TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HS-ST
Ngày: 20-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Minh Tuấn.

Bà Bùi Thị Hồng Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Hữu T; sinh năm: 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: đường N, Phường D, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T (chết) và bà: Trần Thị H (chết); có vợ: Lê Thị Cát P (chết) và 03 con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2003); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/5/1997 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; bị bắt giữ ngày: 11/02/2019; bị tạm giữ ngày: 11/02/2019; bị tạm giam ngày: 14/02/2019.

(Bị cáo có mặt).

- Bị hại:

Ông Danh Thanh T – Sinh năm: 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: đường H, phường B, quận B, TP.HCM.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/Bà Nguyễn Thị Thanh V – Sinh năm: 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, Phường B, Quận B, TP.HCM.

2/Bà Huỳnh Thị Mỹ V – Sinh năm: 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường B, Phường H, quận B, TP.HCM.

(Chủ Doanh nghiệp tư nhân M).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 00 ngày 08/02/2019, Lê Hữu T đi ngang qua nhà số 357/11/2Y2 đường T, Phường D, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh thì thấy cửa cổng và cửa nhà không đóng then gài (chỉ khép lại), T liền nảy sinh ý định trộm cắp T sản. T đi vào nhà, bước lên lầu 1 thì thấy trên chiếc bàn đặt ở góc nhà có: 01 nhẫn vàng đầu rồng, 01 dây chuyền vàng, 01 lắc vàng, 01 nhẫn màu trắng có đính đá trắng (04 chấu có đính đá trắng, tấm kết tầng) của ông Danh Thanh T, nên T lén lút lấy các T sản trên rồi tẩu thoát. Khoảng 09 giờ 05 phút cùng ngày, T đến tiệm vàng "Doanh nghiệp tư nhân M" – địa chỉ: đường B, Phường H, quận B, TP.HCM bán: 01 nhẫn vàng đầu rồng trọng lượng 6c86 (sáu chỉ tám phân sáu) với giá 14.063.000 đồng, 01 lắc vàng khoen lật bản chạm rồng trọng lượng 32c16 (ba mươi hai chỉ một phân sáu) với giá 65.928.000 đồng, 01 dây chuyền vàng kiểu dây cong ống chạm rồng trọng lượng 29c9 (hai mươi chín chỉ chín phân) với giá 61.295.000 đồng; tổng cộng T sản bán được là 141.286.000 đồng. Sau đó, T đến tiệm vàng "K" – địa chỉ: đường L, Phường K, Quận B mua 4.000 USD với số tiền là 93.200.000 đồng và đưa 4.000 USD này cho bạn gái là Nguyễn Thị Thanh V giữ dùm; số tiền còn lại, T tiêu xài chỉ còn lại 8.753.000 đồng. Riêng đối với chiếc nhẫn kim loại màu trắng (04 chấu có đính đá trắng, tấm kết tầng), T thấy đẹp nên để lại đeo lên ngón trỏ bàn tay phải.

Đối với ông Danh Thanh T ngủ dậy không thấy T sản của mình nên đến Công an Phường 12 Quận 10 trình báo việc bị mất trộm: 01 nhẫn vàng đầu rồng, 01 dây chuyền vàng, 01 lắc vàng, 01 nhẫn màu trắng có đính đá trắng (04 chấu có đính đá trắng, tấm kết tầng), 02 nhẫn vàng, 01 bộ vòng ximen, 02 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A5. Công an Phường 12 Quận 10 lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Qua truy xét, ngày 11/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Hữu T và sau đó tiến hành điều tra về hành vi "Trộm cắp T sản".

Quá trình điều tra, Lê Hữu T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra chỉ có cơ sở kết luận T sản của ông Danh Thanh T bị Lê Hữu T chiếm đoạt bao gồm: 01 nhẫn vàng đầu rồng, 01 dây chuyền vàng, 01 lắc vàng, 01 nhẫn màu trắng có đính đá trắng (04 chấu có đính đá trắng, tấm kết tầng). Tại Kết luận định giá T sản số 322/KL-ĐGTS ngày 21/5/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên T sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 10 kết luận: Số tài sản mà T trộm cắp vào ngày 08/02/2019 có tổng trị giá 168.622.000 đồng. Riêng đối với các tài sản (02 nhẫn vàng, 01 bộ vòng ximen, 02 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A5) thì ngoài lời khai của phía bị hại, không còn chứng cứ nào chứng minh T chiếm đoạt các tài sản trên, nên cơ quan Cảnh sát điều tra chưa có cơ sở kết luận điều tra về nội dung các tài sản này.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi: 01 nhẫn vàng 04 chấu có đính đá trắng tấm kết tầng (từ bị cáo T), 01 lắc vàng khoen lật bản chạm rồng tiệm vàng (từ tiệm vàng M); Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại là ông Danh Thanh T (Tại Phiếu giám định kim loại quý số 10022019 của Trung tâm giám định vàng bạc đá quý DOJILAB xác định 01 nhẫn vàng 04 chấu có đính đá trắng tấm kết tầng và 01 lắc vàng khoen lật bản chạm rồng là vàng thật). Đồng thời, Chị Nguyễn Thị Thanh V đã giao nộp 4.000 USD và 8.753.000 VNĐ (thu giữ trong người Lê Hữu T).

Riêng đối với: 01 nhẫn vàng đầu rồng và 01 dây chuyền vàng kiểu dây cong ống chạm rồng, tiệm vàng M đã nung chảy cùng với số vàng khác đã mua trong ngày, nên không có cơ sở thu hồi.

Ngoài ra, cơ quan Công an còn thu giữ từ T: 01 xe môtô Honda SH biển số 59F1-872.01 (T đang sử dụng khi bị Công an mời về làm việc). Qua xác minh, xe môtô đứng tên chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Thanh V. Chị V khai cho T mượn xe đi chúc tết. Xe môtô không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho chị V.

Riêng 01 đôi dép màu trắng caro quai đỏ đen, 01 đồng hồ màu bạc hiệu Armitron, 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Hữu T và 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9, không liên quan đến vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã giao lại cho đại diện gia đình của T là anh Lê Hữu L quản lý.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố: Lê Hữu T về tội:

“Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án; về phía bị hại vẫn giữ nguyên lời khai và yêu cầu của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) và nhân thân của bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo: Lê Hữu T từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Ý kiền của bị hại: Không có ý kiến gì.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, T liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành

tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình; qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ được, bản kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Lê Hữu T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu thu thập được hiện tại và phạm vi của việc xét xử, Hội đồng xét xử hiện có cơ sở xác định: Bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản [01 nhẫn vàng đầu rồng, 01 dây chuyền vàng, 01 lắc vàng, 01 nhẫn màu trắng có đính đá trắng (04 chấu có đính đá trắng, tấm kết tầng)] của bị hại với tổng giá trị là 168.622.000 đồng, nên bị cáo bị truy tố và xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Qua đó, kiến nghị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 tiếp truy xét, làm rõ, xử lý đối với việc chiếm đoạt các tài sản khác của phía bị hại trong ngày 08/02/2019.

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân; ngoài ra, bản thân bị cáo có đặc điểm nhân thân: Ngày 21/5/1997 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" (đã xóa án tích). Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khai ra nơi bán tài sản và giữ tài sản để thu hồi phần lớn tài sản để giao trả lại cho bị hại, làm giảm bớt tác hại của tội phạm; do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được

sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự:

Xét thấy căn cứ vào chứng cứ hiện tại, có cơ sở xác định tài sản mà bị cáo Lê Hữu T chiếm đoạt của ông Danh Thanh T, gồm: [01 nhẫn vàng đầu rồng, 01 dây chuyền vàng, 01 lắc vàng, 01 nhẫn màu trắng có đính đá trắng (04 chấu có đính đá trắng, tấm kết tầng)], qua định giá lần lượt là: 16.284.000 đồng, 70.587.600 đồng, 76.086.400 đồng, 5.664.000 đồng; trong đó T đã bán cho DNTN M (do bà Huỳnh Thị Mỹ V làm chủ) là: 01 nhẫn vàng đầu rồng với giá 14.063.000 đồng, 01 lắc vàng với giá 65.928.000 đồng, 01 dây chuyền vàng với giá 61.295.000 đồng, hiện đã thu hồi lại 01 lắc vàng, 01 nhẫn màu trắng trả cho bị hại ông Danh Thanh T. Xét thấy giao dịch dân sự giữa bị cáo T và DNTN M là vô hiệu (do tài sản trong giao dịch là tài sản chiếm đoạt từ hành vi phạm tội mà có) theo quy định tại 117, 122, 123 Bộ luật Dân sự năm 2015; do vậy căn cứ vào Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015, đôi bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, cụ thể: DNTN M đã trả 01 lắc vàng cho bị hại, DNTN M phải hoàn trả cho bị hại (01 nhẫn vàng đầu rồng, 01 dây chuyền vàng; có giá trị là 16.284.000 đồng + 70.587.600 đồng = 86.871.600 đồng), nhưng hiện 02 tài sản này đã nung chảy trong ngày nên không có cơ sở thu hồi lại được, nên quy giá trị thành tiền để trả, từ đó buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thẳng cho ông Danh Thanh T số tiền là 86.871.600 đồng; đồng thời bị cáo phải có trách nhiệm trả lại khoản tiền mà DNTN M mua tài sản 01 lắc vàng là 65.928.000 đồng. Từ đó 4.000 USD và 8.753.000 đồng, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 128 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, kê biên lại để đảm bảo việc thi hành án đối với khoản thi hành phần bồi thường thiệt hại cho bị hại trước, phần dư còn lại để đảm bảo việc thi hành án đối với khoản thi hành phần hoàn trả tài sản cho bà Huỳnh Thị Mỹ V (chủ DNTN M).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu T phạm tội "Trộm cắp T sản".

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm a, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Hữu T;

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2019.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 117, 122, 123, 131, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc:

+ Bị cáo Lê Hữu T bồi thường số tiền 86.871.600 đồng (tám mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi mốt ngàn sáu trăm đồng) cho ông Danh Thanh T.

+ Bị cáo Lê Hữu T hoàn trả số tiền 65.928.000 đồng (sáu mươi lăm triệu chín trăm hai mươi tám ngàn đồng) cho bà Huỳnh Thị Mỹ V (Chủ Doanh nghiệp tư nhân M).

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Căn cứ Điều 128 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, kê biên các tài sản để đảm bảo việc thi hành án đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại cho ông Danh Thanh T, phần dư còn lại để đảm bảo việc thi hành án đối với khoản tiền hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ V (Chủ Doanh nghiệp tư nhân M), cụ thể kê biên các tài sản như sau: 4.000 USD (bốn ngàn đô la Mỹ) và 8.753.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn đồng).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc: Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 7.639.980 đồng (bảy triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn chín trăm tám mươi đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, bị hại tính từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (2)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (4)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Triệu Luật